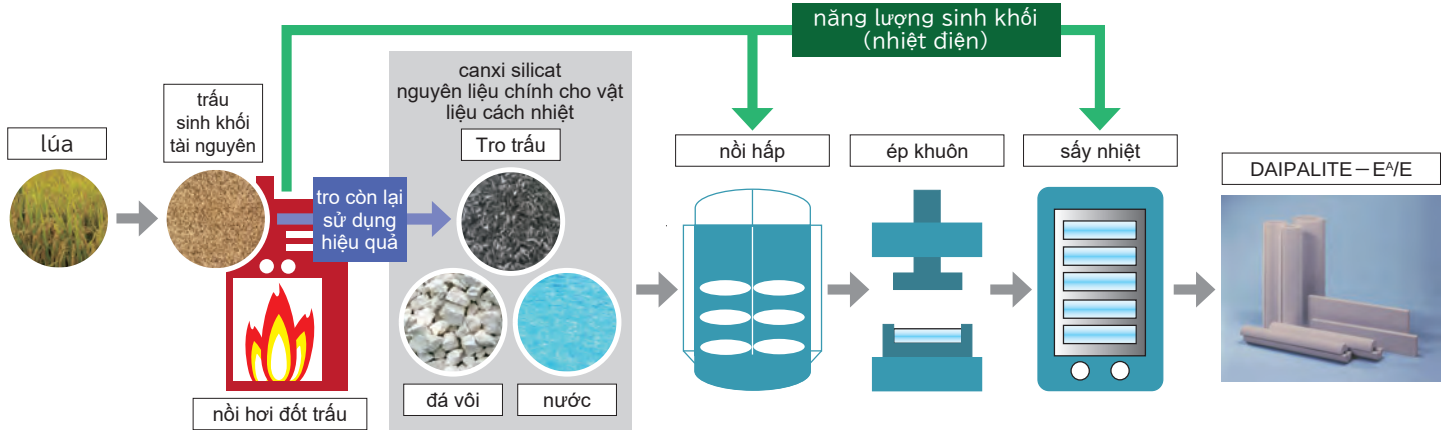


Sản phẩm sáng tạo Thân thiện môi trường
Không cháy • Vô cơ Không Amiăng

Sản phẩm Calcium silicate
Tiêu chuẩn ASTM C533 Type I

DAIPALITE-E^A

DAIPALITE-E^A là vật liệu bảo ôn Calcium silicate dành cho thiết bị công nghiệp, được tạo hình thành sẵn cho đường ống và khối. Sản phẩm được cung cấp cho các lĩnh vực công nghiệp khác nhau như nhà máy lọc dầu, nhà máy điện, nhà máy hóa dầu và các nhà máy khác.



giảm CO₂

Quy trình công nghệ thân thiện môi trường

JIC là công ty đầu tiên thành công trong việc phát minh công nghệ sản xuất sử dụng vỏ trấu. Vỏ trấu được sử dụng như nguồn năng lượng để sấy khô sản phẩm và phân hóa học của nguyên liệu thô. Tro vỏ trấu được sử dụng như nguyên liệu thay thế đá thạch anh.

Quy trình sản xuất độc đáo này được chính phủ Việt Nam chứng nhận là dự án thân thiện môi trường.

Kích thước tiêu chuẩn [mm]

	Đường kính trong	Độ dày	Chiều rộng	Chiều dài
Hình ống	22 ~ 610	25 30 40 50	—	914
Tấm phẳng	—	65 75	303 × 914 150 × 914	

Kết quả tính toán thử nghiệm về lượng khí thải cacbon đioxit

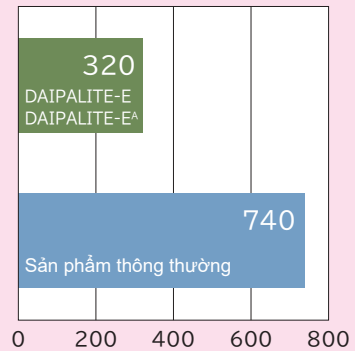
"Lượng khí thải cacbon đioxit của vật liệu cách nhiệt (Diaparite-E^A/E) làm từ trấu sản xuất tại nhà máy ở Việt Nam của chúng tôi có thể giảm xuống khoảng một nửa so với các sản phẩm thông thường (sản phẩm sản xuất tại Nhật Bản) có thể.

► Khí thải từ hoạt động sản xuất tại Nhật Bản
Cường độ phát thải CO₂: 740kg-CO₂/ m³

► Khí thải tại nhà máy ở Việt Nam
Cường độ phát thải CO₂: 320kg-CO₂/ m³

*Ước tính lượng khí thải cacbon đioxit từ nguyên liệu thô, nhiên liệu, điện, v.v. "

Cường độ phát thải cacbon đioxit (kg-CO₂/ m³)



Danh sách kết quả thử nghiệm của ASTM C533

Tính chất vật lý	Phương pháp thí nghiệm	Yêu cầu của ASTM C533								Test Results
Tỷ trọng*	ASTM C302	≤ 240 kg/m ³								Pass
Cường độ uốn*	ASTM C203	≥ 344 kPa (50 psi)								Pass
Cường độ chịu nén*	ASTM C165	≥ 688 kPa (100 psi)								Pass
Sự mài mòn do tác động của Tumbling*	ASTM C421	Sau 10 phút lần đầu <20%,Sau 10 phút lần hai <40%								Pass
Độ co nung*	ASTM C356	Thấp hơn 2% sau 24hr, chu kỳ nung tại 650°C								Pass
Hiệu suất bề mặt nóng ở Nhiệt độ*	ASTM C411	Độ cong ≤ 6mm Rạn nứt : không có vết nứt hoàn toàn của độ dày bảo ôn. Vết nứt bề mặt nóng là được chấp nhận.								Pass
Đặc điểm đốt cháy bề mặt*	ASTM E84	Lan truyền lửa - 0,Lan truyền khói - 0								Pass
Độ dẫn nhiệt*	ASTM C177/GHP ASTM C518/HFM ASTM C335/Pipe cover ASTM C1045	Temp. [°C]	38	93	149	204	260	316	371	Pass
		λ W/(m•K)	≤ .059	≤ .065	≤ .072	≤ .079	≤ .087	≤ .095	≤ .102	Pass
Hiệu quả chống ăn mòn thép* (thép không gỉ)	ASTM C795 ASTM C692 ASTM C871	① Na ⁺ + SiO ₃ ²⁻ ions : ≥ 50ppm ② Giới hạn chấp nhận được củaCl ⁻ + F ⁻ and Na ⁺ + SiO ₃ ²⁻ ③ pH ≤ 12.5 (at 25°C) ④ Các thí nghiệm về ứng suất ăn mòn (ASTM C692) cần phải đạt được								Pass
Độ ngâm nước*	ASTM C1616	≤ 20%								Pass
Tính dễ cháy*	ASTM E136	Không cháy								Pass
Ăn mòn**	ASTM C1617	Tỷ lệ ăn mòn mất khối lượng (MLCR) ≤ DI (MCLR của vật liệu Loại 1, khi được kiểm tra với các dung dịch trích xuất, sẽ bằng hoặc ít hơn mức xác định khi thử nghiệm với DI Wate)								Pass

* Sản phẩm đã được thử nghiệm: DAIPALITE-E^A

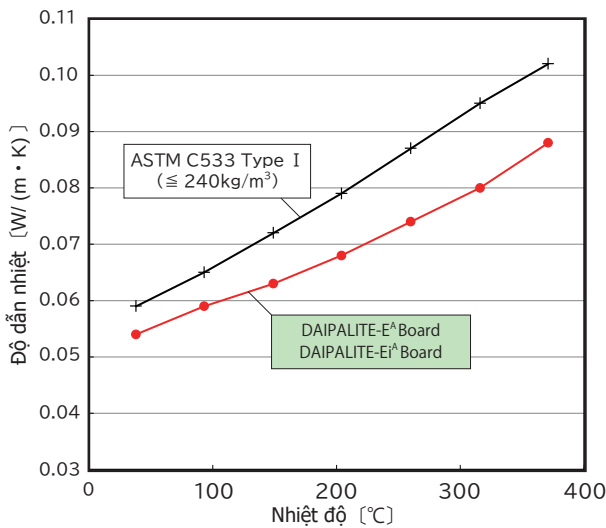
** Sản phẩm được thử nghiệm: DAIPALITE-EI^A (Loại không thấm nước)

Sản phẩm sáng tạo Thân thiện môi trường
Không cháy • Vô cơ Không Amino

Sản phẩm Calcium silicate
Tiêu chuẩn ASTM C533 Type I

DAIPALITE-E^A

Độ dẫn nhiệt

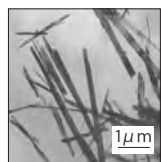


DAIPALITE-E ^A Độ dẫn nhiệt W/(m·K)	Nhiệt độ [°C]	38	93	149	204	260	316	371
	Tiêu chuẩn ASTM	.059	.065	.072	.079	.087	.095	.102
	Đường ống	.052	.056	.061	.067	.073	.080	.088
	Tấm phẳng/ GHP	.054	.059	.063	.068	.074	.080	.088

*Các giá trị trên được đo bằng mẫu có mật độ 170 kg/m³.

Khả năng chịu nhiệt cao

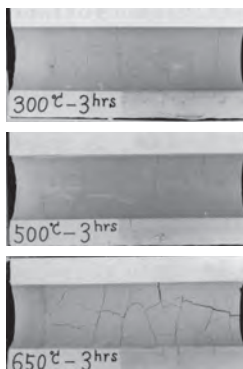
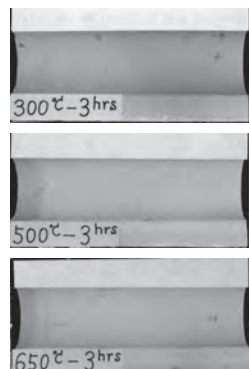
- Với thành phần chủ yếu Hydrat Calcium silicate tinh thể Xonotlite có khả năng chịu nhiệt cao và nhiệt độ sử dụng đến 1000°C, hơn so với các sản phẩm Calcium silicate khác.



Xonotlite crystal
(DAIPALITE-E^A)

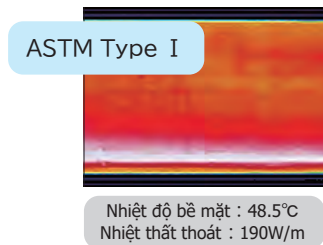
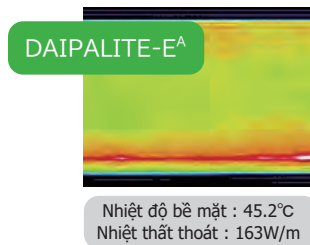


Tobermorite crystal
(Sản phẩm thông thường)



Tính giữ nhiệt cao

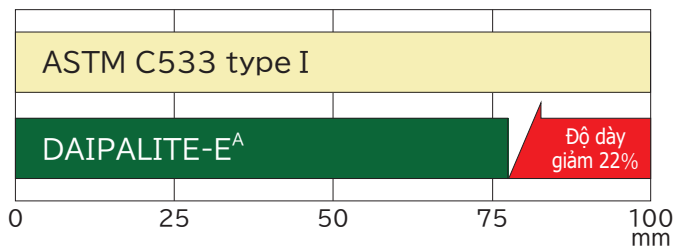
Nhiệt độ bề mặt đo bằng Thermography



Điều kiện

Nhiệt độ bên trong đường ống 300°C, Đường kính ngoài : 114mm
Độ dày vật liệu bảo ôn : 50 mm
*Các giá trị trên được đo bằng mẫu có mật độ 170 kg/m³.

Độ dày vật liệu bảo ôn khi chọn cùng lượng nhiệt thất thoát (mm)

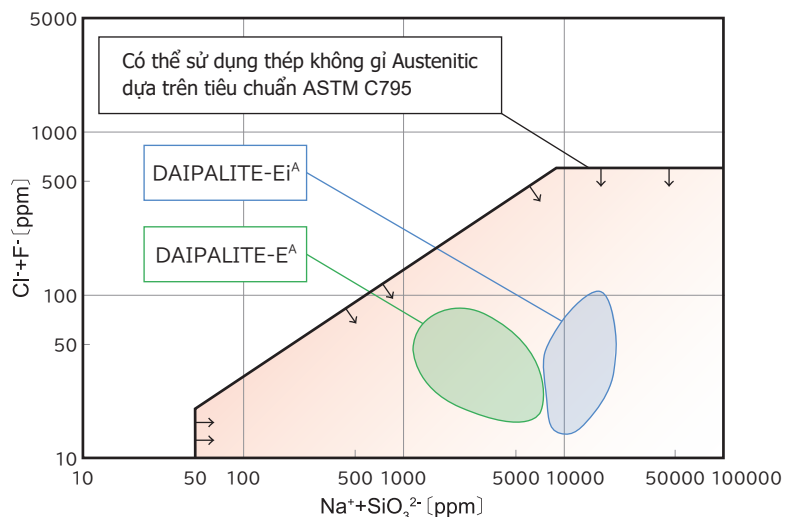


Điều kiện

Nhiệt độ không khí : 25°C, Nhiệt thất thoát : Cùng điều kiện (chưa tới 123W/m)
Nhiệt độ trong đường ống : 300°C, Đường kính đường ống : 114mm
*Các giá trị trên được đo bằng mẫu có mật độ 170 kg/m³.

Ứng sức ăn mòn ngăn cản đứt gãy : Đáp ứng tiêu chuẩn ASTM C795

Các vật liệu Calcium Silicate có đầy đủ tính năng đáp ứng tiêu chuẩn của ASTM như là vật liệu bảo ôn-cách nhiệt so sánh với thép không gỉ austenitic.



TOKYO OFFICE

Hulic Kiba Building, 3-7-13, Toyo, Koto-ku, Tokyo, 135-0016, Japan

TEL : +81-3-4550-6775 FAX : +81-3-4500-6780

Website <https://www.jic-bestork.co.jp/> Email daipalite-e@jic-bestork.co.jp

< Lưu ý >

- Nội dung của tài liệu này có thể thay đổi không cần báo trước. Ngoài ra, nghiêm cấm mọi hình thức sao chép, tái xuất bản bất cứ nội dung nào nếu như chưa có sự cho phép.
- Vui lòng xem web site của chúng tôi để biết thêm thông tin chi tiết